

Tp.HCM, ngày 05 tháng 5 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

- Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT ngày 20/04/2018 về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP (gọi tắt là Tổng công ty);
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 kính trình Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc như sau:

Điều 1. Mục tiêu

- Đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra;
- Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết;
- Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội

- ĐHĐCĐ thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

- Cổ đông mặc trang phục chỉnh tề;
- Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp, không hút thuốc lá, sử dụng điện thoại di động lịch sự, tôn trọng văn hóa giao tiếp hòa nhã thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa đoàn.

Điều 4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

- **Nguyên tắc:** Theo chỉ định của Chủ tịch đoàn cần lấy biểu quyết các vấn đề trong Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra.
- **Cách biểu quyết:** Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Với mỗi nội dung cần biểu quyết Cổ đông thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến, trong lúc biểu quyết cổ đông ra ngoài được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết. Ngoài ra có một số nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, cổ đông đánh dấu vào một trong hai ô: đồng ý hoặc không đồng ý.

Điều 5. Phát biểu ý kiến tại đại hội

- **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội viết phiếu đăng ký phát biểu ghi nội dung, thời lượng gửi về Ban Thư ký và chỉ khi được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn mới được phát biểu.
- **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào nội dung đã đăng ký, thuộc phạm vi chương trình nghị sự của Đại hội. Chủ tọa đoàn tiếp thu và có trách nhiệm giải đáp, giải trình. Chủ tọa đoàn có quyền đề nghị ngừng phát biểu nếu ý kiến cổ đông có ảnh hưởng xấu đến tiến trình Đại hội.



Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tịch đoàn:

- Chủ tịch đoàn gồm 01 người;
- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu

- **Ban thư ký** gồm hai người do Chủ tịch đoàn giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch đoàn và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông; soạn thảo biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua tại Đại hội.
- **Ban thẩm tra tư cách cổ đông** gồm ba người giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông; báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu cổ đông tham dự.
- **Ban Kiểm phiếu** gồm ba người do Đoàn chủ tịch đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua có nhiệm vụ tổng hợp kết quả biểu quyết của Đại hội và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Điều 8. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký của Đại hội ghi vào biên bản. Biên bản họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải được công bố thông tin theo đúng quy định.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm có 9 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚ CƯỜNG



TP.HCM, ngày 05 tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ
TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 3
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Tổng quan về tình hình thực tế

- Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện tăng trưởng. Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6,81% cao hơn mục tiêu đề ra, đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây;
 - Với APEC 2017, Việt Nam không chỉ tái khẳng định chính sách Hội nhập Quốc tế sâu rộng mà còn làm nổi bật tầm nhìn chiến lược về một Châu Á - Thái Bình Dương hòa bình, ổn định, năng động, tiếp tục là đầu tàu cho tăng trưởng và liên kết kinh tế khu vực cũng như toàn cầu;
 - Chính sách tiền lương thay đổi, áp lực tỷ giá giữa các quốc gia trong vùng và các ràng buộc kèm theo khi gia nhập FTA khiến một số lợi thế cạnh tranh trong ngành bị ảnh hưởng. Lợi thế nhân công rẻ đang dần mất đi khi lương tối thiểu được Chính phủ điều chỉnh tăng dần hàng năm;
 - Với bề dày kinh nghiệm của một doanh nghiệp có lịch sử hơn 40 năm hình thành và phát triển, thêm vào đó là cơ chế hoạt động chủ động, linh hoạt và sự quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành cùng sự sáng tạo, đoàn kết, thống nhất của toàn thể CB-CNC NBC là sức mạnh nội lực tổng hợp to lớn giúp NBC hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Tổng kết năm 2017, Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 88,5 tỷ đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2017	TH 2017	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	25,392,000	23,276,531	92%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,171,815	91%
3	Lãi gộp	"	148,000	148,595	100%
	- Khấu hao	"	60,000	60,060	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	"	88,000	88,535	101%
	- Lợi nhuận sau thuế	"	74,800	74,002	99%
4	Đầu tư	"	74,000	100,342	136%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	"	750,000	731,413	98%
	- Kim ngạch NK tính đủ	"	90,000	88,834	99%
6	Lao động bình quân	Người	5,200	5,090	98%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8,000	8,462	106%

	Trong đó : Tiền lương	"	6,500	6,762	104%
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VĐL	%	41.10%	40.66%	99%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,110	4,066	99%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	50,000	57,686	115%

3. Những việc đã làm được trong năm 2017:

• Đối với bộ phận phục vụ:

- Vẫn tiếp tục và giữ vững là một trong những đơn vị hàng đầu của ngành Dệt may Việt nam trong việc phát triển và áp dụng công nghệ mới vào tổ chức sản xuất, phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của mình. Năm 2017 NBC vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu thi đua của chính phủ; Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất; Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam...;
- Tăng cường đẩy mạnh phát triển phương thức FOB, ODM nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng trọn gói góp phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng sức cạnh tranh, tạo thế đứng vững trên thị trường;
- Tiếp tục thành công với mô hình quản lý ERP, cải tiến thủ tục hành chính bằng thức ký điện tử tất cả chứng từ nội bộ và luân chuyển chứng từ qua mạng, quản lý bằng phần mềm NBC-eOffice.

• Công tác Sản xuất :

- Giai đoạn 2016 -2017, NBC tiếp tục triển khai và thực hiện thành công mô hình sản xuất tinh gọn LEAN trên toàn hệ thống, liên tục loại bỏ tất cả những lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa các công đoạn, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đạt được kỳ vọng đặt ra, Khu 2&3 chỉ đạt từ 90 đến 95% kế hoạch, Khu 1 đạt 101% kế hoạch với NSLĐ đạt 670 USD/người;
- Phòng FOB, ODM, Kinh Doanh Thị Trường đã nỗ lực tìm kiếm phát triển các đơn hàng để duy trì ổn định sản xuất, chấp nhận những đơn hàng khó, chất lượng cao; đồng thời đã phát triển đội ngũ nhân lực vững chắc góp phần vào sự phát triển công tác thị trường ngày càng đi vào ổn định một cách bền vững;
- Nhiều cải tiến và sáng kiến trong sản xuất đã góp phần tăng năng suất lao động.

• Công tác đầu tư mở rộng:

- Năm 2017 Tổng Công ty đã đầu tư góp vốn và tăng vốn góp tại các Công ty con và Công ty liên kết: Góp vốn thành lập Cty May Sóc Trăng; Mua lại phần vốn góp của Tổng Cty Phong Phú tại May Gia Phúc; Bổ sung vốn góp tại Cty Giặt Tẩy NBL;
- Thực hiện nhiều dự án đầu tư chiều sâu thay thế các máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất hiện đại, tự động hóa cao theo xu thế phát triển công nghệ như hiện nay;
- Những khoản đầu tư của NBC đều mang tầm nhìn chiến lược dài hạn nên đã và đang góp phần gia tăng năng lực chuỗi sản xuất cung ứng và mạng lưới thị trường, khách hàng hiện có của NBC.

• Công tác thị trường :

- Đối với thị trường nước ngoài:

-
- Đã phát triển ổn định những nhà nhập khẩu lớn như: JCPenny, H&M, Arcadia, Primark, GressoModa, BMB, Carmel, Canda, Generos, Motives...;
- Đã phát triển một số khách hàng tiềm năng như: Uniqlo, GU, PHB, Costco ...;
- Tiếp cận và phát triển khách hàng từ thị trường lớn Trung Quốc, Hàn Quốc;
- Phát triển đơn hàng với khách hàng từ EU, đón đầu cho hiệp thương mại EU;
- Tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa hàng FOB ký trực tiếp và ODM
- Đối với thị trường trong nước:
 - Tiếp tục phát triển bền vững thông qua việc liên tục nghiên cứu, phát triển kiểu dáng, mẫu mã và chủng loại nguyên phụ liệu phù hợp với nhu cầu và xu thế của thời trang trong nước;
 - Tiếp tục mở rộng các kênh phân phối, củng cố và tăng cường kỹ năng của nhân viên bán hàng ngày càng chuyên nghiệp góp phần vào việc đưa thương hiệu của các sản phẩm của Tổng Cty vào tâm trí người tiêu dùng trong nước ngày càng sâu rộng hơn
- **Công tác tài chính :**
 - Làm tốt công tác thanh quyết toán, hoàn thuế;
 - Cân đối và sử dụng vốn vay hợp lý cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao;
 - Đã giao khoán cho các đơn vị, tuy nhiên kết quả đa số các bộ phận chưa hoàn thành mức*khoán do Tổng Giám Đốc giao.
- **Công tác chăm lo đời sống cho Cán bộ Công nhân viên :**
 - Chính sách lương thưởng của Tổng công ty được áp dụng theo nguyên tắc: gắn tiền lương với chất lượng, năng suất, và hiệu quả làm việc của mỗi người. Bên cạnh đó Tổng công ty luôn chú trọng hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và phúc lợi của người lao động;
 - Đã chăm lo Tết Nguyên Đán 2017 cho người lao động tăng hơn 9% so với năm 2016, với mức thưởng bình quân 15 trđ/người;
 - Tổ chức đối thoại, giải thích, tuyên truyền cho CBCNV về các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước, của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc tạo sự đồng thuận trong toàn thể CBCNV;
 - NBC luôn chú trọng tới công tác chăm lo đời sống cho người lao động như: cải thiện bữa ăn giữa ca cho người lao động, tổ chức ăn bồi dưỡng cho người lao động lâu năm có sức khỏe kém, tặng quà các ngày lễ, Tết, hỗ trợ cho người lao động bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình thương, phụ cấp thâm niên...
- **Một số công việc lớn khác đã thực hiện được :**
 - Ngày hội gia đình NBC được tổ chức vào ngày 05/01/2018, với chủ đề **“Gắn kết cùng phát triển”** diễn ra trong không khí vui tươi, ấm áp với sự tham gia của toàn thể CB-CNV, đây là chương trình thường niên của NBC nhằm động viên CB-CNV hăng say lao động sản xuất, thắt chặt tình đoàn kết trong tập thể gần 30.000 người;
 - Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, NBC luôn luôn quan tâm và hưởng ứng tích cực các hoạt động xã hội từ thiện hướng về cộng đồng: hỗ trợ xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng; trao tặng học bổng cho trẻ em nghèo, gia đình khó khăn... Đồng hành cùng Tổng Công ty còn có các tổ

chức đoàn thể như Đoàn Thanh Niên, Công Đoàn...cũng có những hoạt động thiết thực chăm lo tốt đời sống cho người lao động;

- Tham gia hội chợ VIFF tại Hà Nội với 3 nhãn hàng chủ lực DeCelso, Mattana, Novelty với chủ đề “Thời trang trong kỷ nguyên số”, hội chợ “Kết nối cung cầu” tại Quảng Ngãi; hội chợ “Hội tụ hàng Việt” tại TP.Hồ Chí Minh được thiết kế và trưng bày theo phong cách hiện đại, sang trọng, sản phẩm của NBC được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, mẫu mã với giá cả hợp lý.

B. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện các chỉ tiêu Nhiệm kỳ 3 (2013 – 2017):

1. Tổng quan về tình hình thực tế

Nhiệm kỳ năm 2013 - 2017 là nhiệm kỳ có rất nhiều sự biến cố lớn như lạm phát tăng cao, giá cả tăng cao làm đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, lương tối thiểu tăng, các chi phí vật tư, nguyên phụ liệu tăng, lãi suất ngân hàng tăng...doanh nghiệp lao đao.... nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tuy nhiên với sự nỗ lực vượt khó của tập thể CBCNV, sự lãnh đạo chiến lược của HĐQT, sự quyết liệt của Ban điều hành đưa Tổng Công ty không ngừng phát triển trong 5 năm qua, hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao cho HĐQT.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Diễn giải	Đvt	KH Nhiệm kỳ 3 (2013 - 2017)	TH Nhiệm kỳ 3 (2013 - 2017)	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	130.000.000	125.510.193	97%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	12.000.000	12.325.571	103%
3	Lãi gộp	"			
	- Khấu hao	"	282.000	282.140	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	"	400.000	413.407	103%
	- Lợi nhuận sau thuế	"	340.000	344.087	101%
4	Đầu tư	"	340.000	345.547	102%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	"	3.000.000	3.127.423	104%
	- Kim ngạch NK tính đủ	"	420.000	455.634	108%
6	Lao động bình quân	Người	5.500	5.563	101%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	7.000	7.290	104%
	Trong đó : Tiền lương	"	5.500	5.839	106%
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182.000	182.000	100%
9	LNST/VĐL	%	186,81%	189,06%	101%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	93.407	94.529	101%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	125%	125%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	210.000	211.636	101%

4. Kết luận:

Để có được kết quả sản xuất kinh doanh thành công, đồng thời gia tăng giá trị Tổng công ty trên các mặt như uy tín đối với khách hàng, đối tác, các cấp chính quyền; uy tín với các tổ chức tín dụng và sự trung thành gắn bó của đội ngũ CB-CNV toàn Tổng Cty.

Bên cạnh những quyết tâm và năng lực của Ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV còn phải kể đến vai trò quan trọng của các cổ đông, đối tác và khách hàng. Chính sự đồng thuận, đồng hành và tiếp sức của các quý vị là nền tảng vững chắc để NBC không ngừng phát triển và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ giao.

Cuối cùng xin kính chúc sức khỏe Quý vị đại biểu;
Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Hải*



PHẠM PHÚ CƯỜNG



TP.HCM, ngày 05 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO KẾ HOẠCH & GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NHIỆM KỲ 4 (2018 – 2022)
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. Kế hoạch & giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018:

1. Nhận định chung tình hình

- Năm 2018, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và việc triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp năm 2017 sẽ tiếp tục phát huy tác dụng, báo hiệu sự phục hồi kinh tế trong nước rõ rệt hơn. Tuy nhiên, năm 2018 cũng tiềm ẩn rủi ro lạm phát do tác động của những chính sách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó tình hình kinh tế, chính trị thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường sẽ ảnh hưởng tác động tới nền kinh tế trong nước;
- Nền kinh tế Việt Nam bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp trong khi thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư một cách mạnh mẽ. Triển vọng về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA & TPP...vẫn chưa rõ ràng và sẽ tiếp tục chưa có hiệu lực trong năm 2018.
- Nguồn nhân lực bổ sung ngoài ngành may nói chung và NBC nói riêng ngày càng khó khăn về chất và lượng, góp phần gây căng thẳng lao động cho doanh nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động ngành dệt may và sức ép tăng lương tối thiểu vùng và các chi phí khác cho người lao động cũng sẽ tạo áp lực rất lớn cho doanh nghiệp, áp lực này thể hiện rất rõ ở những thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM...

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2018
1	Doanh thu CM	USD	27.815.000
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3.500.000
3	Lợi nhuận trước thuế	"	88.000
4	Đầu tư	"	30.152
5	Kim ngạch XK tính đủ	1000USD	817.624
6	Kim ngạch NK tính đủ	"	102.004
6	Lao động bình quân	Người	5.100
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8.795
8	Nộp ngân sách	Tr.đ	50.000

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018

❖ **Mục tiêu phấn đấu:** Cả năm 2018 **NSLĐ: 700 USD/người/tháng** (tại TPHCM) và từ **450- 490 USD/người/tháng** (các tỉnh). Để thực hiện được mục tiêu trên cần có những giải pháp cơ bản.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực từ quản lý cấp chuyên trưởng đến Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Trưởng, phó các phòng ban thông qua nguồn lực bên

trong và bên ngoài để có được nguồn lực bổ sung và kế thừa một cách bền vững cho chiến lược phát triển mở rộng của Tổng công ty trong năm 2018 và trong thời gian sắp tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, nhanh chóng triển khai đồng bộ các giải pháp để thiết kế và sản xuất các sản phẩm mới nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có.

- HĐQT định hướng để Ban Điều Hành thực hiện quyết liệt một số nhóm giải pháp liên quan tới hoạch định chiến lược phát triển, đổi mới phương thức quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, quản trị rủi ro, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến... nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, đáp ứng mọi nhu cầu cho khách hàng.

- Thu hẹp dần khoảng cách về năng suất lao động giữa các đơn vị trong toàn hệ thống NBC thông qua việc áp dụng công nghệ sản xuất theo phương pháp Lean, đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại, luân chuyển cán bộ, bổ sung lực lượng cán bộ trẻ để đáp ứng sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Tổng Công ty.

- Chất lượng sản phẩm là sự sống còn của Tổng công ty do vậy Tổng công ty sẽ kiện toàn lại đội ngũ đánh giá chuyên nghiệp, tổ chức đánh giá toàn hệ thống nhằm tạo thế cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh mang đến sự hài lòng của khách hàng.

- Đẩy mạnh chương trình thi đua trong lao động sản xuất, xây dựng bầu không khí làm việc vui tươi, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn bó của người lao động với công ty nhằm ổn định sản xuất.

- Tăng cường củng cố, hoàn thiện hệ thống chất lượng bao gồm hệ thống đánh giá và hệ thống Quản trị chất lượng.

❖ Công tác đầu tư & mở rộng:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nhanh chóng triển khai đồng bộ các giải pháp để thiết kế và sản xuất các sản phẩm mới nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có, chiếm lĩnh thị trường và nâng cao giá trị gia tăng;

- Tiếp tục đưa vào khai thác có hiệu quả các dự án mở rộng đã hoạt động trong năm 2017 như Nhà máy may Hậu Giang, nhà máy may Đức Linh, đồng thời tiếp tục chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của HĐQT.

- Đầu tư nguồn nhân lực:

- + Tiếp tục tuyển chọn các ứng viên là những sinh viên khá, giỏi từ các Trường Đại học có uy tín và nguồn nội bộ từ CB - CNV thuộc hệ thống NBC có trình độ, nhiệt huyết, chịu thử thách, sẵn sàng nhận nhiệm vụ công tác ở xa, để mở các lớp đào tạo phân bổ nguồn lực cho các dự án mới trong năm 2018 và trong tương lai.

- + Cải cách đội ngũ cán bộ, đào tạo và luân chuyển cán bộ, thay thế những cán bộ không theo kịp với nhịp chung của Tổng Công ty.

❖ Công tác thị trường

- Liên tục tập trung khai thác và chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới. Ngoài việc tiếp tục phát triển xuất khẩu sang các thị trường truyền thống như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản... Tổng Công ty sẽ phát triển các thị trường tiềm năng khác như Trung Quốc, Hàn Quốc... nhằm cân đối lại thị trường xuất khẩu, tránh rủi ro khi tập trung quá nhiều vào một số thị trường.

- Tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường; đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh nhằm tận dụng các cơ hội chiếm lĩnh thị trường; hạn chế rủi ro và đảm bảo phát triển bền vững.

- Đẩy nhanh việc tăng tỷ trọng hàng FOB, tập trung phát triển hàng ODM, phấn đấu trong năm 2018 tỷ trọng hàng ODM chiếm từ 20% - 25% Tổng doanh thu.

❖ Công tác tài chính

- Tăng cường quản lý phân vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát tốt nguồn vốn lưu động đồng thời vận dụng nhạy bén và cân đối vay ngoại tệ với lãi suất tốt nhất.

- Sử dụng và xử lý tốt thông tin thị trường tài chính, lãi suất, ngoại hối, cơ cấu lại việc sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng và sử dụng các đòn bẩy tài chính để đạt hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát để ngăn ngừa rủi ro, tiết giảm chi phí hợp lý trên cơ sở đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục giao khoán các chỉ tiêu cho các đơn vị, Phòng kế toán kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản chi phí khoán, không chế chi được phép chi trong mức khoán.

- Duy trì tốt công tác hoàn thuế trong năm 2018 để giảm vốn vay lưu động.

❖ Công tác nội địa và xây dựng thương hiệu:

- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và marketing, chú trọng xây dựng và phát triển chuỗi đại lý bán hàng rộng khắp cả nước để chiếm lĩnh thị trường, mở rộng thị phần đối với các sản phẩm.

- Đẩy mạnh tập trung sản xuất hàng trong nước và cố gắng chiếm lĩnh thị trường nội địa, mở rộng kênh phân phối, đưa sản phẩm vào các trung tâm thương mại lớn; chọn lọc và thanh lý các đại lý không đảm bảo yêu cầu. Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tạo sự kiện nhằm xây dựng quảng bá hình ảnh, thương hiệu NBC, hòa chung với cả nước trong phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

- Tiếp tục xây dựng ngân hàng dữ liệu khách hàng nhằm lưu trữ thông tin khách hàng, để có kế hoạch xây dựng mối quan hệ với những khách hàng truyền thống; chăm sóc, hậu mãi, ưu đãi khách hàng một cách cụ thể và hiệu quả hơn.

❖ Công tác tuyển dụng và đào tạo:

- Tuyển dụng, đào tạo và bổ sung đội ngũ CB-CNV trong toàn hệ thống NBC có được kỹ năng chuyên nghiệp đáp ứng mọi nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua các chương trình sau:

+ Đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, trình độ quản lý cho CB - CNV để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Tuyển dụng những nhân sự có chuyên môn cao, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đầu tư tăng tốc đón đầu các Hiệp định thương mại phục vụ cho chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển của Tổng công ty.

❖ Công tác chăm lo đời sống người lao động

- Xây dựng và phát triển đội ngũ CB - CNV trong toàn Tổng Công ty để mọi người toàn tâm toàn ý phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời nâng cao thu nhập cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung thông qua các chương trình:

+ Chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động bằng nhiều phong trào, các chương trình giải trí, các hình thức thi đua, được giải đáp thông tin kịp thời và được yêu cầu Giám đốc, công đoàn trả lời, nhằm tạo bầu không khí làm việc sôi nổi, có động

viên tinh thần cao để mọi người cùng tham gia sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng công ty.

- + Nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho toàn thể CB-CNV trong toàn Tổng công ty phù hợp với mặt bằng chung của khu vực để ổn định sản xuất.

- + Tiếp tục cải thiện hơn nữa bữa ăn giữa ca cho người lao động.

B. Định hướng chiến lược kinh doanh Nhiệm kỳ 4 (2018 – 2022)

1. Dự báo tình hình

- Ngành dệt may Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong những năm vừa qua. Thị phần dệt may Việt Nam chiếm khoảng 4,14% trong tổng thị phần may toàn cầu. Dệt may trở thành ngành đạt giá trị xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Đồng thời thị phần hàng Dệt May Việt Nam tiếp tục cải thiện so với các đối thủ cạnh tranh.

- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á -Âu (EAEU) cũng được đánh giá sẽ mang lại thuận lợi cho DN dệt may. Theo đó, EVFTA là hiệp định lớn bởi quy mô của khối thị trường này lên tới 200 tỷ USD hàng dệt may mỗi năm; Hiệp định EAEU cũng được kỳ vọng sẽ giúp ngành tăng thị phần tại thị trường truyền thống – Nga từ 2% lên 10%, với giá trị khoảng hơn 1 tỷ USD.

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều ngành nghề sẽ có nhiều tác động đến ngành Dệt May – ngành sử dụng nhiều lao động, do vậy sẽ có những biến động trong tuyển dụng, sử dụng và giải quyết chế độ cho người lao động.

2. Định hướng chiến lược cho 5 năm tới:

❖ Phát triển mạnh lĩnh vực may mặc

- Xây dựng và phát triển NBC trở thành Tổng Công ty may mặc hàng đầu ở Việt Nam cung cấp các sản phẩm may mặc cho các nhãn hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới; trong đó sản phẩm vượt trội của NBC là Veston cao cấp – sự kết hợp hoàn hảo giữa đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại, nghiên cứu phát triển sản phẩm và quy trình sản xuất chặt chẽ.

- Mục tiêu chính là làm thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới. Đảm bảo cho Thương hiệu NBC phát triển bền vững, hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể:

- + Tiếp tục mở rộng sản xuất may mặc ở các tỉnh.

- + Tập trung sản xuất sản phẩm may mặc với các thương hiệu xuất khẩu cao cấp tại khu vực TP.HCM.

- + Đầu tư liên doanh liên kết để nâng cao năng lực cung ứng phụ liệu tiến tới nguyên liệu ngành may tại Việt Nam một cách chủ động nhằm có thể thụ hưởng được các ưu đãi về thuế xuất mà các hiệp định thương mại qui định.

- + Đầu tư thêm tại các Khu Công nghiệp, cụm Công nghiệp để mở rộng sản xuất;

- + Doanh thu tăng khoảng 15%/năm và nâng cao tỷ trọng hàng FOB và ODM.

- + Lợi nhuận tăng hàng năm dự kiến khoản 1-5%, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho cổ hàng năm từ 20%-25%/VĐL.

❖ Nâng cao vị thế của NBC

- Trong nhiệm kỳ trước chúng ta đã xây dựng được hình ảnh Tổng Công ty và trong nhiệm kỳ này phải xây dựng bằng được vị thế, hình ảnh và thương hiệu mạnh:

- + Nâng cao sức cạnh tranh trong và ngoài nước.

- + Xây dựng thương hiệu mạnh trong nước và ngoài nước;

- + Nâng cao sức cạnh tranh trong và ngoài nước.
- + Xây dựng thương hiệu mạnh trong nước và ngoài nước;
- + Chăm lo đời sống cho CB- CNV, thu nhập bình quân tăng khoảng 10%/năm

❖ **Nâng cao năng lực quản lý và điều hành**

- Tiếp tục tập trung đầu tư đào tạo nguồn nhân lực, duy trì và nâng cao chất lượng lớp “*Đào tạo Giám đốc*”, ưu tiên tuyển chọn từ những công nhân ưu tú và tuyển dụng các sinh viên giỏi ở các trường có uy tín để đào tạo và bổ sung cho các đơn vị mới thành lập nhằm thúc đẩy và phát triển Tổng công ty trong thế cạnh tranh khốc liệt;
- Kiểm soát tốt hơn dòng tiền của Tổng công ty, tăng cường các biện pháp tổ chức quản lý sản xuất giảm thiểu hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn.
- Tổ chức tốt hoạt động quản trị công ty, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật nhằm tăng cường công tác tiết kiệm, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tổ chức tốt hệ thống đánh giá, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hệ thống ISO; đánh giá của RAP, và duy trì để 100% khách hàng thăm định đạt yêu cầu.
- Tiếp tục cải tiến tổ chức quản lý sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Kết luận :

Năm 2018 vẫn là năm còn ẩn chứa nhiều khó khăn, thử thách mà Tổng Công ty phải đối mặt. HĐQT tin tưởng rằng, với tinh thần trách nhiệm cao, sự quyết liệt trong công tác quản trị và điều hành, cùng sự nỗ lực sáng tạo của từng CB-CNV, sự tin tưởng của khách hàng và cổ đông. NBC nhất định sẽ vượt qua những thách thức mới, khó khăn mới giữ vững đà tăng trưởng và phát triển bền vững.

Cuối cùng Kính chúc sức khỏe Quý vị đại biểu, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚ CƯỜNG



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính thưa toàn thể Đại hội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam thực hiện; Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Tổng kết tình hình thực hiện các chỉ tiêu Nhiệm kỳ 3 của HĐQT;
- Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Tổng Công ty May Nhà Bè với những nội dung chính như sau:

**PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017
VÀ NHIỆM KỲ 3 (2013 – 2017)**

I. Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác hạch toán

- Công tác hạch toán và lập Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tuân thủ theo Luật kế toán; Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BCT (đối với BCTC năm 2013 và năm 2014); Theo Thông tư 200 & 202/2014/TT-BTC (đối với BCTC năm 2015; năm 2016 và năm 2017), áp dụng một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam;
- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định;
- Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty. Thẩm định Báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời xem xét ý kiến của kiểm toán viên;

II. Phối hợp và giám sát tình hình hoạt động HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc:

- HĐQT, Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý và điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quy định của Điều lệ Cty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua;

- Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo Quy định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty
- Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Tổng Công ty để HĐQT nắm rõ tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo cần thiết. HĐQT giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban TGD đặc biệt trong công tác tổ chức, quản lý điều hành, xúc tiến đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro, hạn chế tối đa chi phí phát sinh.
- Trong Nhiệm kỳ 3, Tổng Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Không phát sinh hợp đồng giao kết cũng như xung đột lợi ích với những người có liên quan.
- Trưởng BKS – Thư ký của HĐQT – đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc; đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

PHẦN II : KẾT QUẢ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ NHIỆM KỲ 3

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2017	TH 2017	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	25,392,000	23,276,531	92%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,171,815	91%
3	Lãi gộp	“	148,000	148,595	100%
	- Khấu hao	“	60,000	60,060	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	“	88,000	88,535	101%
	- Lợi nhuận sau thuế	“	74,800	74,002	99%
4	Đầu tư	“	74,000	100,342	136%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	“	750,000	731,413	98%
	- Kim ngạch NK tính đủ	“	90,000	88,834	99%
6	Lao động bình quân	Người	5,200	5,090	98%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8,000	8,462	106%
	<i>Trong đó : Tiền lương</i>	“	6,500	6,762	104%
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VĐL	%	41.10%	40.66%	99%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,110	4,066	99%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	50,000	57,686	115%

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nhiệm kỳ 3

TT	Diễn giải	Đvt	KH Nhiệm kỳ 3 (2013 – 2017)	TH Nhiệm kỳ 3 (2013 – 2017)	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	130.000.000	125.510.193	97%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	12.000.000	12.325.571	103%
3	Lãi gộp	“			
	- Khấu hao	“	282.000	282.140	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	“	400.000	413.407	103%
	- Lợi nhuận sau thuế	“	340.000	344.087	101%
4	Đầu tư	“	340.000	345.547	102%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	“	3.000.000	3.127.423	104%
	- Kim ngạch NK tính đủ	“	420.000	455.634	108%
6	Lao động bình quân	Người	5.500	5.563	101%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	7.000	7.290	104%
	<i>Trong đó : Tiền lương</i>	“	5.500	5.839	106%
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182.000	182.000	100%
9	LNST/VĐL	%	186,81%	189,06%	101%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	93.407	94.529	101%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	125%	125%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	210.000	211.636	101%

3. Kết quả tình hình hoạt động tài chính của Tổng công ty

❖ Nhận xét

- BKS nhất trí với Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2017. BKS ghi nhận sự nỗ lực trong hoạt động điều hành công ty của HĐQT và Ban TGD trong năm qua, Tổng Công ty vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, vững chắc về cả doanh thu và lợi nhuận.
- Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam
- Nhất trí với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam. Đồng ý với ý kiến của kiểm toán:” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

❖ **Một số chỉ tiêu tài chính tại Báo cáo tài chính được lập ngày 31/12/2017**

▪ **Tóm tắt một số chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán:**

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN	1.652.866	1.250.092	1,966,957	1,690,996
A. Tài sản ngắn hạn	1.652.866	1.250.092	1,966,957	1,690,996
B. Tài sản dài hạn	630.404	560.826	1,156,445	1,016,674
Cộng Tài sản	2.283.270	1.810.918	3,123,403	2,707,670
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả	1.960.866	1.505.176	2,726,180	2,313,398
B. Vốn chủ sở hữu	322.404	305.742	397.223	394.272
Cộng Nguồn vốn	2.283.270	1.810.918	3,123,403	2,707,670

▪ **Kết luận:**

- Tổng tài sản Tổng công ty Mẹ tính đến 31/12/2017: **2.283.270/1810.918** tăng 126,08%.
- Tổng tài sản Hợp nhất tính đến 31/12/2017: **3.123.403/2.707.670** tăng 115,35%.

▪ **Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp d.vụ	3.111.447	3.068.150	4,217,017	4,215,452
2. LN gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	684.315	624.937	872,174	802,568
3. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	81.454	79.835	70,243	55,548
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.535	88.047	86,346	79,929
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	74.002	74.173	58,383	52,540

❖ **Đánh giá chung:**

- Sổ sách chứng từ được ghi chép và lưu trữ đầy đủ, phản ánh kịp thời tình hình hoạt động thực tế của đơn vị;
- Đơn vị thường xuyên tiến hành kiểm kê kho, tài sản của Tổng Công ty nhằm quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo hợp nhất năm 2017 được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán và xác nhận tính trung thực và hợp lệ của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Ban kiểm soát chưa thấy phản ánh cần lưu ý;

- Nhận xét về các số liệu trong báo cáo tổng kết của Chủ tịch HĐQT: là đúng với số liệu trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

PHẦN III : TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS

NHIỆM KỲ 3 (NĂM 2013 – 2017)

1. Tổng kết và đánh giá hoạt động

- Trong nhiệm kỳ 3 (Năm 2013 – 2017) Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty May Nhà Bè qui định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả; cũng như thực hiện tốt các nội dung BKS đã xây dựng và trình bày trước ĐHCĐ thường niên năm 2017.
- Kết quả hoạt động của BKS trong Nhiệm kỳ 3 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban TGD, các phòng ban, toàn thể CB.CNV Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Thay mặt BKS, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của ĐHCĐ, HĐQT, Ban TGD Tổng Công ty đã giúp BKS hoàn thành tốt công việc.

2. Một số kiến nghị

Ngoài những thành quả đạt được trong năm 2017 cũng như trong cả Nhiệm kỳ 3 (năm 2013 – 2017) của Tổng công ty, BKS kiến nghị một số vấn đề đối với Ban TGD:

- ✓ Cần làm tốt hơn nữa công tác đánh giá hàng tồn kho để xử lý những vật tư hàng hóa không cần dùng hoặc tồn lâu năm để thu hồi vốn nhanh, tiến tới giảm lượng hàng tồn kho mức tối đa và giảm áp lực vay ngân hàng; Tỷ lệ giá trị Hàng tồn kho là 31,36% trên Tổng tài sản đối với Công ty Mẹ và 28,53% đối với Hợp nhất; Và BKS nhấn mạnh tới giá trị Hàng tồn kho ở chỉ tiêu “Bán thành phẩm dở dang”.
- ✓ Chú trọng việc đẩy mạnh công tác thu hồi nợ của khách hàng đến hạn;
- ✓ Gửi báo cáo định kỳ đúng quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của BKS trong năm 2017 và của Nhiệm kỳ 3. BKS xin báo cáo trước ĐHCĐ.

Cuối cùng xin gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phan Văn Hải

TP, Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2018

**TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2017**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè –CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 01/12/2011.
- Căn cứ Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đvt: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,159,295,056,666
2	Tổng chi phí	3,070,759,145,556
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	88,535,911,110
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,533,866,193
5	Lợi nhuận sau thuế	74,002,044,917
6	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	57,340,327,187
	- Quỹ khen thưởng: 8%	5,920,163,593
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,700,102,246
	- Trích thưởng HĐQT và BKS: 3%	2,220,061,348
	- Chia cổ tức: 25%	45,500,000,000
7	Lợi nhuận sau khi trích lập quỹ	16,661,717,731
8	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	63.504.214.440

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM PHÚ CƯỜNG

TP, Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2018

**TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2018**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 01/12/2011;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của HĐQT, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Đvt: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,500,000,000,000
2	Tổng chi phí	3,412,000,000,000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	88,000,000,000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,000,000,000
5	Lợi nhuận sau thuế	74,000,000,000
6	Các khoản trừ trước khi phân phối	4,300,000,000
	- Chia lãi hợp tác kinh doanh	4,000,000,000
	- Nộp phạt thuế + hải quan + chi không chứng từ	300,000,000
7	Lợi nhuận sau các khoản giảm trừ	69,700,000,000
8	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	57,340,000,000
	- Quỹ khen thưởng: 8%	5,920,000,000
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,700,000,000
	- Thưởng HĐQT và BKS: 3%	2,220,000,000
	- Dự kiến chia cổ tức: 20% - 25%	45,500,000,000
9	Lợi nhuận sau khi trích lập Quỹ	12,360,000,000
10	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	75.864.214.440

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚ CƯỜNG

TP, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

V/v: Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP

Theo các văn bản pháp luật hiện hành, yêu cầu Công ty đại chúng phải tham chiếu Quy chế Quản trị nội bộ mẫu tại Phụ lục số 02 của Thông tư 95/2017/TT-BTC để xây dựng Quy chế quản trị nội bộ cho Công ty mình, đảm bảo phù hợp với Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Tổng Công ty May Nhà Bè là Công ty đại chúng quy mô lớn và đã đăng ký giao dịch Upcom trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội. Do đó, để tuân thủ các quy định trên, Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua toàn văn dự thảo Quy chế quản trị nội bộ (đính kèm tài liệu).

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Hải*

Chủ tịch



PHẠM PHÚ CƯỜNG

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số/ĐHĐCĐ Ngày 19/05/2018

của Đại hội đồng cổ đông Tổng Cty May Nhà Bè – CTCP)

CHƯƠNG I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế quản trị của Tổng Công ty May Nhà Bè là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Tổng Công ty May Nhà Bè, được xây dựng theo hướng dẫn của Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2147/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 22/09/2017 về việc ban hành quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, BKS và cán bộ quản lý nhằm đánh giá hiệu quả việc thực hiện quản trị của Tổng Công ty May Nhà Bè.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Tổng Công ty” có nghĩa là Tổng Công ty May Nhà Bè - CPCP
 - b. “Ban Tổng Giám Đốc” là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc quyết định bổ nhiệm.
 - c. “Cổ đông lớn” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
 - d. “Người có liên quan” là tổ chức hoặc cá nhân được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:
 - i. Công ty mẹ, cán bộ quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - ii. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - iii. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Tổng Công ty đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - iv. Người quản lý Tổng Công ty
 - v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng Công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, Tổng Công ty quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v khoản này;
 - vii. Doanh nghiệp trong đó những người, Tổng Công ty quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v, vi và vii khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó

- viii. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Tổng Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Tổng Công ty.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Tổng Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất;
- f. Cán bộ quản lý: là cán bộ do Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc bổ nhiệm.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
3. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Quy chế này có nội dung như sau:
- | | |
|----------------|----------------------------------|
| - Tổng Công ty | : Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP |
| - NBC | : Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP |
| - ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| - BKS | : BKS |
| - TGD | : Tổng Giám Đốc |
| - BDH | : Ban Điều Hành |
| - Ban | |

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Tổng Công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
2. HĐQT, BKS lãnh đạo và kiểm soát Tổng Công ty hiệu quả;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch trong mọi hoạt động của Tổng Công ty

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Tổng Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ

phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;

- c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố theo quy định;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Những vấn đề liên quan tới cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường.
2. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty và có quyền quyết định tất cả các vấn đề quan trọng của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo đề nghị của HĐQT.
2. Họp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong trường hợp: HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Thông báo thực hiện quyền được lập theo mẫu 07/THQ gửi đến Trung Tâm lưu ký chứng khoán tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách tham dự họp ĐHĐCĐ, được đăng trên website của Tổng công ty và được công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu.
2. Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt, Tổng công ty gửi Thông báo họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, giấy tham dự/ủy quyền tham dự, được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ. Thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng hình thức gửi thư điện tử, fax, tin nhắn, gọi điện thoại hoặc gửi qua bưu điện. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể được thông báo bằng hình thức phát thanh trong

“Chương trình tin tức hàng ngày” hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Tổng công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- a. Để tạo điều kiện thuận lợi Ban tổ chức chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết... nhằm tổ chức ĐHĐCĐ đạt kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức Đại hội yêu cầu cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước ngày họp ít nhất ba (03) ngày. Việc đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cổ đông có thể thực hiện bằng thức gửi thư điện tử, fax, tin nhắn, gọi điện thoại hoặc gửi qua bưu điện về cho Ban tổ chức.
- b. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên của HĐQT.

4. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.

- a. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ được triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại mục b khoản này, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành mà không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 9. Thể thức tiến hành họp tại ĐHĐCĐ

1. Ban tổ chức Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
2. ĐHĐCĐ bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu;
3. Chủ tọa thông qua toàn bộ Chương trình Đại hội;
4. HĐQT, BKS trình bày các Báo cáo, Tờ trình từng vấn đề cần được biểu quyết trước toàn thể ĐHĐCĐ;
5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình;
6. Ban Thư ký thông qua Biên bản của Đại hội.
7. ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Biên bản của Đại hội.

Điều 10. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Khi tham dự họp ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông được phát một “Thẻ biểu quyết” do Tổng công ty phát hành trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu

4. Sau khi tiến hành biểu quyết các nội dung của cuộc họp, Chủ tọa phải công bố ngay kết quả mỗi vấn đề biểu quyết.
5. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội nhưng không chậm quá mười lăm phút (15) sau khi Đại hội đã tiến hành khai mạc.

Điều 11. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc bầu cử
 - a. Đảm bảo dân chủ công bằng.
 - b. Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.
2. Phương thức bầu cử
 - a. Việc bầu cử các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu;
 - b. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS;
 - c. Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc nhiều ứng cử viên, nhưng tổng số quyền biểu quyết không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.
3. Nguyên tắc trúng cử
 - a. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, tối thiểu phải đạt tỷ lệ 65% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (05 người), BKS (03 người);
 - b. Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại ngay đối với các ứng viên đó để chọn người có số phiếu cao hơn;
 - c. Trường hợp bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT và/hoặc BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những ứng cử viên còn lại.

Điều 12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông:

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - b. Thời gian và địa điểm họp;
 - c. Chương trình làm việc;
 - d. Chủ tọa và Thư ký;
 - e. Tóm tắt các ý kiến phát biểu của cổ đông tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - f. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội: số phiếu chấp thuận, số phiếu phản đối và số phiếu trắng về các vấn đề thông qua.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - i. Các quyết định, tờ trình được thông qua.
 - j. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác

của nội dung biên bản

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 13. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên được lập theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác trực thuộc HĐQT;
- Kết quả giám sát Ban điều hành;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 14. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên được lập theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Hoạt động của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác
- Kế hoạch kiểm soát cho năm tiếp theo.

CHƯƠNG III:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT:

1. Số lượng thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định nhưng không ít hơn năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11) người và phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế;
3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ tiếp ngay sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận việc bổ nhiệm thành viên đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực
4. HĐQT là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để ra quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
5. HĐQT xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm đề ra định hướng và chiến lược kinh doanh phát triển của toàn công ty trong năm và dài hạn để

trình ĐHCĐ thông qua; quản lý hoạt động của Ban điều hành theo đúng các quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

6. HĐQT có quyền thành lập các ban và tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty
3. Không là thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) tổ chức kinh doanh khác.

Điều 17. Quyền hạn của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

Điều 18. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tổng công ty.
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công bố cho Tổng công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.
5. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
6. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Tổng công ty,
3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
4. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT,
5. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

6. HĐQT có trách nhiệm lập báo cáo tại ĐHĐCĐ hằng năm.

Điều 20. Hợp HĐQT

1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty. Việc tổ chức họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 21. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT tùy theo từng thời điểm, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. HĐQT cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng.
2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 22. Người phụ trách công tác quản trị Tổng Công ty

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách công tác quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 23. Thù lao của HĐQT

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua mỗi Nhiệm kỳ.
2. Trường hợp thành viên HĐQT làm kiêm nhiệm chức danh Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Tổng Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Tổng công ty

1. Số lượng thành viên BKS của Tổng Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng thành viên BKS cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế
3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phân công công việc cho các thành viên BKS và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS
4. BKS là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty
5. BKS xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn thành viên BKS
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - c. Không được giữ các chức vụ điều hành công ty;
 - d. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
 - e. Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
2. Tiêu chuẩn Trưởng BKS : Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.

Điều 26. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý khác phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.
2. Tổng công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên BKS hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 27. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, hoạt động của TGD, cán bộ quản lý khác của Tổng công ty, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

2. BKS họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.
3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.
4. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. BKS có quyền lựa chọn và đề nghị HĐQT phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
6. BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ hằng năm.

Điều 28. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Tổng công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Tổng công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành

1. BDH gồm có TGD, Phó TGD, GĐĐH do HĐQT bổ nhiệm.
2. BDH có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao
3. Phó TGD, GĐĐH là người giúp việc của TGD trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo phân công của TGD, báo cáo và chịu trách nhiệm trước TGD và trước Pháp luật về nhiệm vụ được giao.
4. HĐQT phân công nhiệm vụ trong BDH phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 30. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc

1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được HĐQT phân cấp, TGD được toàn quyền ra các quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty không ngừng phát triển bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của TGD có tính hiệu quả cao nhất đối với mọi cán bộ trong Tổng công ty, trừ các thành viên HĐQT và thành viên BKS.
 - c. Các Phó TGD, GĐĐH và Người quản lý khác của Tổng công ty có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của TGD.
2. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó TGD, GĐĐH
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được TGD phân cấp, Phó TGD,

GĐĐH được quyền thay mặt TGD ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo mảng việc mà mình được TGD phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

- b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó TGD, GĐĐH có giá trị hiệu lực đối với tất cả các cá nhân có liên quan trong Tổng công ty tương tự như quyết định, chỉ đạo điều hành của TGD.
 - c. Trường hợp xét thấy cần thiết, TGD được quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành do các Phó TGD ban hành.
3. Báo cáo
- a. TGD chỉ đạo việc báo cáo cho HĐQT định kỳ và khi yêu cầu theo quy định trong từng thời kỳ.
 - b. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của TGD, Phó TGD có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ mới đều phải được gửi một (01) bản đến Chủ tịch HĐQT để báo cáo.
 - c. Các Phó TGD có trách nhiệm báo cáo kịp thời với TGD về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi nghiệp vụ được phân công.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 31. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, BKS và BDH phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Tổng công ty;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật và Tổng công ty.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có)

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BDH

1. Phối hợp trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn...
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc TGD là người đại diện thay mặt Tổng công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng. Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch HĐQT hoặc TGD sẽ ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc một thành viên trong BDH thực hiện và phải báo cáo lại để Chủ tịch HĐQT và TGD nắm bắt đầy đủ nội dung.
 - b. Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên HĐQT, thành viên BDH hoặc thành viên BKS được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.
2. Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ được giao
 - a. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó TGD hoặc Người điều hành khác của Tổng công ty phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến.
 - b. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của BDH hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên BDH chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT tham dự họp và cho ý kiến chỉ đạo.

- c. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
- d. BDH của Tổng công ty thực hiện báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu theo quy định của Tổng công ty đầy đủ và đúng thời hạn.
- e. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, TGD, Phó TGD cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

3. Phối hợp khác

Chủ tịch HĐQT và TGD tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, Phó TGD tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Tổng công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên HĐQT, Phó TGD không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng công ty.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Chủ tịch HĐQT bảo đảm Trường BKS hoặc thành viên BKS được mời tham dự tất cả các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT.
2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên BKS được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
3. HĐQT bảo đảm rằng tất cả các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho thành viên BKS cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch, hợp đồng giữa Tổng Công ty, Công ty con với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các giao dịch trên theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
5. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được

phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Tổng Công ty cần áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Tổng Công ty.
3. Tổng Công ty cần áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công ty.

Điều 36. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên trong Ban TGD, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính.
2. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Tổng Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế, các Công ty có quan hệ hợp tác, đối tác chiến lược của Tổng Công ty và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Trừ trường hợp các giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận, Tổng Công ty không được thực hiện giao dịch sau:
 - a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
4. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 37. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty

1. Tổng Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.
2. Tổng Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.
3. Tổng Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VIII:**BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 38. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Tổng Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Ngoài ra, Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Tổng Công ty

1. Tổng Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp thay đổi mô hình hoạt động, Tổng Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 40. Công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty

1. Tổng Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm các nội dung chính sau:
 - Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành;
 - Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT;
 - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
 - Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên BGD và thành viên BKS;
 - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Tổng Công ty của các thành viên HĐQT, BGD, BKS, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng trên;

2. Tổng Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 41. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 42. Tổ chức công bố thông tin

1. Tổng Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Tổng Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin, hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm. Người công bố thông tin của Tổng Công ty đại chúng có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của Tổng Công ty với công chúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ trực tiếp.
 - c. Trường hợp Người công bố thông tin là cán bộ quản lý kiêm nhiệm thì phải có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, các bộ phận liên quan, hướng dẫn và ghi nhận những ý kiến của cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.

CHƯƠNG IX
GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 43. Giám sát

Tổng Công ty May Nhà Bè, các tổ chức, các cá nhân và những người có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Tổng công ty (bao gồm cả các thành viên HĐQT, BKS, BDH) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS.
2. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên HĐQT, BDH, Trưởng BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

3. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Tổng công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Tổng công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty theo quy định..

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có 10 chương và 45 điều.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty
3. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Quy chế này.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này để phù hợp với hoạt động của Tổng Công ty và quy định của pháp luật sẽ do ĐHĐCĐ quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Haic*

CHỦ TỊCH



Phạm Phú Cường

TP, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2018

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP**

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị và điều hành Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Tổng công ty và nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Tổng công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản đính kèm Tờ trình này

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Hau



PHẠM PHÚ CƯỜNG



CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

PHÙ HỢP VỚI LUẬT DOANH NGHIỆP 2014

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số:/ĐHĐCĐ Ngày 19/05/2018)

Căn cứ:

- Điều lệ hiện hành;
- Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017;
- Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Phương thức sửa đổi, bổ sung:

- Giữ nguyên bố cục của Điều lệ hiện hành;
- Thêm, bớt, sửa đổi những nội dung theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017.
- Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế Quản trị và điều hành tại Tổng Công ty.

TT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Luật DN 2014 (Tham chiếu)
1.	Phần mở đầu: Điều lệ này được Đại Hội Đồng Cổ Đông Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần thông qua vào ngày 27/11/2010 và thay thế Điều lệ Tổng Công ty thông qua ngày 22/01/2005 đã sửa đổi bổ lần cuối cùng ngày 24/04/2010	Điều lệ này được Đại Hội Đồng Cổ Đông Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần thông qua theo Nghị quyết số: /ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 05 năm 2018.	
2.	Điều 1, khoản 1, điểm a: "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này	Điều 4, khoản 29.
3.	Điều 1, khoản 1, điểm b: "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Sửa đổi để phù hợp

4.	Điều 1, khoản 1, điểm d: "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	"Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành, Kế toán trưởng trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Sửa đổi để phù hợp với thực tế tại Tổng Công ty.
5.	Điều 1, khoản 1, điểm e: "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp p và Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.	Điều 4, khoản 17
6.	Điều lệ hiện hành NBC chưa có Đề xuất: Bổ sung thêm điểm h vào Điều 1, khoản 1,	"Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.	Điều 4, khoản 2
7.	Điều lệ hiện hành NBC chưa có Đề xuất: Bổ sung thêm điểm i vào Điều 1, khoản 1.	"Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	
8.	Điều 3, khoản 1: Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là	Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm	Điều 7, khoản 1
9.	Điều 4, khoản 2: Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh h doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm..	Điều 7, khoản 1
10.	Điều 6, khoản 5: Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị h hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy , người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được c ấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty	Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đ ây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới h ình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam m đoan rằng	Điều 120, khoản 3

		đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới	
11.	Điều 11, khoản 2, Điểm f: Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	Điều 114, khoản 1, điểm đ
12.	Điều 11, khoản 2, Điểm h: Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp	Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp	Cập nhật theo Luật Doanh Nghiệp 2014
13.	Điều 11, khoản 3: “ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:	“ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:	Điều 114, khoản 2
13.	Điều 11, khoản 3, điểm c Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.	Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát;	Điều 114, khoản 2, điểm b
14.	Điều 12, khoản 5: 1. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới	3	

	mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng Công ty	Đề nghị bỏ	Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2014: quy định nghĩa vụ của cổ đông phổ thông không còn quy định nghĩa vụ này nữa
15.	Điều 13, khoản 2: Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Bổ sung theo qui định mở tại Điều 136, khoản 1
16.	Điều 13, khoản 3, điểm b: Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.	Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.	Điều chỉnh để làm rõ nghĩa hơn.
16.	Điều 13, khoản 3, điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên	Khi số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty	Điều 136, khoản 3, điểm a và Điều

	quy định trong Điều lệ.		156, khoản 3, điểm a
17.	Điều 13, khoản 3, điểm e: “.....theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp”	“.....theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp”	Cập nhật theo Luật Doanh Nghiệp 2014
18.	Điều 13, khoản 4, Điểm b: “.....theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp”	“.....theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp”	Cập nhật theo Luật Doanh Nghiệp 2014
19.	Điều 13, khoản 4, điểm c: “.....theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.”	“..... theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Cập nhật theo Luật Doanh Nghiệp 2014
20.	Điều 14, khoản 1, điểm b: “Báo cáo của Ban Kiểm soát”.	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	Điều 136, khoản 2, điểm d
21.	Điều 14, khoản 1, điểm c: “Báo cáo của Hội đồng quản trị”.	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	Điều 136, khoản 2, điểm c
22.	Điều 14, khoản 2, điểm l: Quyết định giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các chi nhánh của Tổng Công ty được ghi	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài	

	trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	chính gần nhất của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	
	(Mặc dù qui định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh Nghiệp là qui định mở cho phép doanh nghiệp có thể quy định giá trị này cao hơn 35% như Điều lệ hiện nay của NBC (từ 50%) nhưng theo qui định tại điểm d, Khoản 2 Điều 143 và điểm d, Khoản 1, Điều 144 Luật Doanh Nghiệp qui định về hình thức, hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ đều qui định ĐHĐCĐ quyết định giao dịch bán tài sản Tổng công ty hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. - Đề xuất: Để tránh mâu thuẫn trong việc áp dụng luật và đảm bảo tuân thủ nội dung của cả 2 điều (Điều 135 và Điều 144) của Luật Doanh Nghiệp 2014 đề nghị sửa đổi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ đối với các dự án đầu tư, các hợp đồng bán tài sản là “từ 50%” thành “35%”		
23.	Điều 14, khoản 2, Điểm n: Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT	Đề nghị bỏ điểm này	Điều 152, khoản 2
24.	Điều 14, khoản 2, điểm o: Tổng Công ty hoặc các chi nhánh của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các chi nhánh của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	Đề nghị bỏ điểm này	Luật Doanh Nghiệp 2014 cho phép có thể lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản.
25.	Bổ sung thêm khoản 3 Điều 14, (khoản 3 Điều 14 hiện hành chuyển thành khoản 4)	3. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty; b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần. c. Các vấn đề khác theo thẩm quyền.	Điều 143

26.	Điều 15, khoản 1: Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.	... Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền...	Điều 15, khoản 2, điểm b và Khoản 3
27.	Điều 15, khoản 2, điểm b: Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp	Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.	Điều 15, khoản 4, điểm b
27.	Điều 16: Thay đổi các quyền 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó. 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối	Điều 16: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ	Thay đổi toàn bộ nội dung Điều 16 để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014

	thiếu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.	
28.	Điều 17, khoản 2, điểm a: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng Công ty.	Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 137, khoản 1
29.	Điều 17, khoản 3: “Thông báo ít nhất 15 (mười lăm) ngày...”	“Thông báo ít nhất 10 (mười) ngày ...”	Điều 139, khoản 1

30.	Điều 17, khoản 7: Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình	Bỏ nội dung “hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình”	Điều 148, khoản 2
31.	Điều 18, khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.	Điều 141, khoản 1
32.	Điều 18, khoản 2: ... Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	... Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	Điều 141, khoản 2
33.	Điều 19, khoản 4: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu người có thể làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc	Điều 142, khoản 2

	viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố”	hợp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp”	
34.	Điều 20, khoản 1 và khoản 2,: 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Tổng Công ty, giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các chi nhánh của Tổng Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; b) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo gần nhất của Tổng công ty; c) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty d) Thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý công ty e) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;	Điều 144, khoản 1 và khoản 2
35.	Điều 20, khoản 3: Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Điều 144, khoản 4
36.	Điều 21, khoản 4: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện	Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng 10	Điều 145, khoản 4

	theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; Trường hợp sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến mà cổ đông vẫn không gửi phiếu về Tổng Công ty thì được coi như là cổ đông đã đồng ý với tất cả nội dung cần lấy ý kiến.	công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;	
37.	Điều 21, khoản 5, điểm a: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh	Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Điều 145, khoản 5, điểm a
38.	Điều 21, khoản 6: Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Điều 145, khoản 6
39.	Điều 21, khoản 8: Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại	Điều 144

		hội đồng cổ đông.	
40.	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.”	“Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông (việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải bản lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc...”	Điều 146
41.	Điều 23: “....., cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc....”	“.... cổ đông, nhóm cổ đông , thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc....”	Điều 147
42.	Điều lệ hiện hành của NBC chưa có; Luật Doanh Nghiệp 2014 mới bổ sung Điều này Đề xuất: Bổ sung Điều 24	Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có	Điều 148

		thâm quyền.	
43.	Điều 24, khoản 1: “Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm.....	“Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm.....	Sửa để phù hợp với thực tế của Tổng Cty.
44.	Điều 24, khoản 4, điểm d: “Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống”	Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	Điều 156, khoản 1, điểm b
45.	Điều 25, khoản 3, điểm c: Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám Đốc Điều Hành, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ.	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.
46.	Điều 25, khoản 3, điểm h: Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;	Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty.	Điều 149, khoản 2, điểm d
46.	Điều 25, khoản 4, điểm c: “Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn”	“Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn”.	Cập nhật theo Luật Doanh Nghiệp 2014

47.	Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đề nghị bỏ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung liên quan đến Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Hiện nay Tổng công ty không có chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vì vậy đề nghị bỏ để phù hợp với thực tế của Tổng công ty .
48.	Điều 26, khoản 1: “... Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên...;	Đề nghị bỏ nội dung này	
49.	Điều 28, khoản 1: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị	Đề nghị bỏ khoản này	Vì dự thảo sửa đổi Điều lệ đã bỏ quy định “nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị” nên đề nghị bỏ khoản này.
50.	Điều 28, khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp....	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp	Điều 153, khoản 5

51.	Điều 28, khoản 8: Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Điều 153, khoản 8
52.	Điều 31, khoản 3, điểm d: “Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ”	Đề nghị sửa đổi, bổ sung: Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý và các chức danh khác không do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ”	Điều 152, khoản 5
53.	Điều 32. Thư ký Tổng công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng Công ty bao gồm: a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản	Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực	Điều 152, khoản 5

	trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. đ. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;	
54.	Điều 36, khoản 3: ... nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm, ...	... nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, ...	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế
55.	Điều 37, khoản 1: Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp.....	Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.....	Điều chỉnh để tương ứng với LDN 2014
56.	Điều 37: Ban Kiểm Soát Thành viên Ban kiểm soát	Kiểm soát viên	
56.	Điều 38, khoản 2 “Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông ...”	“Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra danh sách cổ đông ...”	Bỏ cụm từ “sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty”. Vì thực tế hiện nay sổ này được VSD trực tiếp quản lý.

57.	Bổ sung thêm Điều 48 và Điều 49 giống như Luật Doanh Nghiệp 2014.		
58.	Điều 49: Con dấu Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. HĐQT quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp. 2. Trước khi sử dụng, TCT có phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.	Điều 44

Trân trọng./.



PHẠM PHÚ CƯỜNG



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ

--oOo--

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

--oOo--

QUY CHẾ BẦU CỬ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 - 2022

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018, Tổng Công ty May Nhà Bè tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ 2018 - 2022) theo các nội dung dưới đây

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

- Cổ đông sở hữu hoặc đại diện ủy quyền sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách chốt của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam ngày 10/05/2018.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện được chọn làm thành viên HĐQT, BKS

- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT**
 - Có đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
(Trích Điều 24 – Điều lệ Tổng Công ty May Nhà Bè)
- **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS**
 - Không giữ các chức vụ quản lý, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty;
 - Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Cty;
 - Trưởng BKS phải là người có chuyên môn về kế toán và là cổ đông của Tổng Công ty.
(Trích Điều 36 – Điều lệ Tổng Công ty May Nhà Bè)

Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu

- **Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS**
 - Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng kể từ ngày 10/05/2018 có quyền cộng gộp số quyền biểu quyết của nhiều người để đề cử ứng viên HĐQT và BKS

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng kể từ ngày 10/05/2018 được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên; và từ trên 65% được đề cử năm ứng viên;
- Trong trường hợp số lượng ứng cử, đề cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông cử người ứng cử vào HĐQT và BKS gửi phiếu đề cử theo mẫu về cho HĐQT đương nhiệm của Tổng Công ty trước **ngày 12/05/2018** để chuẩn bị công tác bầu cử và công bố thông tin theo quy định.
- Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu
 - Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên;
 - Số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên;

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS: Được sắp xếp thứ tự ABC theo tên; được ghi đầy đủ họ tên trên phiếu bầu.
- Phiếu bầu và ghi phiếu bầu
 - Phiếu bầu được in thống nhất, do Ban bầu cử phát ra có đóng dấu treo của Tổng Công ty May Nhà Bè và có tổng số quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS;
 - Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu khác;
 - Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Hoặc ký xác nhận số quyền biểu quyết mà Ban bầu cử đã chia đều số quyền biểu quyết cho các thành viên HĐQT và BKS.
- Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ
 - Phiếu bầu không do Ban bầu cử phát ra;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm các thông tin khác với phiếu do Ban tổ chức phát ra;
 - Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;

Điều 5. Phương thức bầu cử

- Việc bầu cử các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc nhiều ứng cử viên, nhưng tổng số quyền biểu quyết không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.

Điều 6. Nguyên tắc bầu dồn phiếu

- Giả sử ĐHĐCĐ biểu quyết chọn thành viên HĐQT trong tổng số 5 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 100.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:
 $(100.000 \times 5) = 500.000$ quyền biểu quyết.
- Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:
 - ✓ Dồn hết 500.000 quyền biểu quyết cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT
 - ✓ Chia đều 500.000 quyền biểu quyết cho 05 ứng cử viên thành viên HĐQT (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 100.000 quyền biểu quyết)
 - ✓ Dồn 500.000 quyền biểu quyết cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 500.000 quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn 500.000 quyền biểu quyết của mình cho 5 ứng cử viên theo những tỷ lệ quyền biểu quyết khác nhau nhưng tổng số quyền biểu quyết cho những ứng viên đó không vượt quá 500.000 quyền biểu quyết
- Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - ✓ Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên do cổ đông Nguyễn Văn A bầu vượt quá con số 500.000 quyền biểu quyết;
 - ✓ Số ứng viên cổ đông Nguyễn Văn A bầu vượt quá 05 người;
 - ✓ Cổ đông Nguyễn Văn A không bầu ai;
 - ✓ Các trường hợp khác quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
- Nguyên tắc bầu thành viên BKS cũng được tương tự như bầu thành viên HĐQT.

Điều 7. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua;
 - Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Giới thiệu lý lịch trích ngang của các ứng cử viên;
 - + Phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Công bố kết quả kiểm phiếu
 - Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS.
- Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu
 - Ban Kiểm phiếu hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
 - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi phát phiếu bầu cho cổ đông và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
 - Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và có sự giám sát của Đại diện cổ đông và Thư ký đoàn;

03988
IG CÔNG
MAY
HÀ B
ÔNG TY
Ổ PHẦN
TP. HỒ CH

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, tối thiểu phải đạt tỷ lệ 65% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (05 người), BKS (03 người);
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại ngay đối với các ứng viên đó để chọn người có số phiếu cao hơn;
- Trường hợp bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT và/hoặc BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những ứng cử viên còn lại.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu;
- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp, số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội;
- Phiếu bầu cử được niêm phong và lưu giữ tại Văn phòng Tổng Công ty. Phiếu niêm phong phải có đầy đủ chữ ký của Trưởng ban kiểm phiếu; Đại diện cổ đông và Thư ký đoàn.

Điều 10. Điều khoản thi hành

- Trường hợp cổ đông xét thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty, những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản ĐHĐCĐ;
- Quy chế này gồm có 10 điều và được biểu quyết thông qua trước ĐHĐCĐ để tiến hành bầu cử.

Tp.HCM, ngày 02 tháng 05 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Phạm Phú Cường*



PHẠM PHÚ CƯỜNG

TP, Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

V/v: Bầu Thành viên HĐQT và BKS Nhiệm kỳ IV 2018 - 2022

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 01/12/2011;
- Căn cứ Quyết định số 20/2018/HĐQT ngày 20/04/2018 về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
- Căn cứ công văn số : /TĐDM ngày / /2018 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc đề cử danh sách thành viên HĐQT và BKS đại diện phần vốn Tập Đoàn Dệt May Việt Nam Tại Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP;
- Căn cứ Đơn ứng cử vào thành viên HĐQT của Bà Lê Thị Ngọc Diệu; Ông Đinh Văn Thập; Ông Nguyễn Xuân Đông và Giấy đề cử của các cổ đông nhóm đủ trên 5%/VĐL đề cử Bà Lê Thị Ngọc Diệu, Ông Đinh Văn Thập, Ông Nguyễn Xuân Đông vào thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV năm 2018 – 2022;
- Căn cứ Đơn ứng cử vào thành viên BKS của Ông Phan Văn Hải và Bà Vũ Kim Chi và Giấy đề cử của các cổ đông nhóm đủ trên 5%/VĐL đề cử Ông Phan Văn Hải và Bà Vũ Kim Chi vào thành viên BKS Nhiệm kỳ IV năm 2018 – 2022;
- HĐQT Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP xin giới thiệu ĐHĐCĐ danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS Nhiệm kỳ IV Năm 2018 - 2022 như sau:

1. Danh sách ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT 05 người gồm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Đại diện
1	PHẠM PHÚ CƯỜNG	1970	Thạc sỹ	Phần vốn Tập đoàn Dệt May Việt Nam
2	LÊ THỊ NGỌC DIỆU	1969	Đại học	Thẻ nhân
3	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	1970	Đại học	Thẻ nhân
4	NGUYỄN NGỌC LÂN	1971	Đại học	Phần vốn Tập đoàn Dệt May Việt Nam
5	ĐINH VĂN THẬP	1962	Đại học	Thẻ nhân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **PHẠM PHÚ CƯỜNG** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 27.09.1970
3. Nơi sinh : Đà Nẵng
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Đà Nẵng
6. Số CMND : 022999445 Ngày cấp: 08.09.1993 Nơi cấp: CA HCM
7. Địa chỉ thường trú : 146/1, Đường số 8, P.18, Q.Tân Bình, TP.HCM
8. Điện thoại liên lạc cơ quan : 0838720077
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh Tế
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
05/1997 - 08/1999	Cán bộ phòng Kế hoạch	Cty May Nhà Bè
09/1999 - 09/2001	Phó phòng Kế hoạch	Cty May Nhà Bè
10/2001 - 08/2003	Q.Trưởng phòng Kế hoạch	Cty May Nhà Bè
09/2003 - 04/2004	Trưởng phòng Kế hoạch	Cty May Nhà Bè
05/2004 - 03/2007	GĐĐH	Tổng Cty May Nhà Bè
08/2007 - 04/2010	P.TGD - Thành viên HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè
04/2010 - 12/2016	TGD - CT.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè
01/2017 - đến nay	CT.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè

11. Chức vụ công tác tại NBC: CT. HĐQT

12. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ✓ Thành viên HĐQT Tập Đoàn Dệt May Việt Nam;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty CP Vinatex Đà Nẵng;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Miền Nam;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty CP May Nhà Bè – Hậu Giang

13. Số cổ phiếu sở hữu : 177.622 cổ phần chiếm 0,98% /VĐL

14. Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có.

16. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không có.

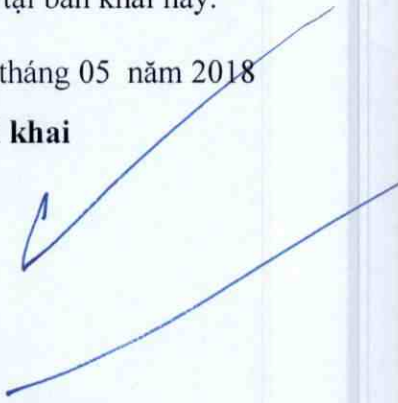
Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và có trách nhiệm nếu được bầu làm thành viên HĐQT của Tổng Công ty May Nhà Bè – Nhiệm kỳ 2018 - 2022;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người khai



Phạm Phú Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **LÊ THỊ NGỌC DIỆU** Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh : 25.12.1969
3. Nơi sinh : Tiền Giang
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : An Giang
6. Số CMND : 079169002651 Ngày cấp: 05.09.2016
Nơi cấp: Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư
7. Địa chỉ thường trú : 272/4 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Q4, TpHCM
8. Điện thoại liên lạc : 0838720077
9. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh Tế
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
08/1988 - 12/1997	Công nhân - XN May 7	Cty May Nhà Bè
01/1998 - 12/1999	Truyền trưởng - XN May 7	Cty May Nhà Bè
01/2000 - 03/2002	Trưởng ca XN may Veston	Cty May Nhà Bè
04/2002 - 08/2002	Phó GD XN May Veston	Cty May Nhà Bè
09/2002 - 12/2003	Q.GD XN May 11	Cty May Nhà Bè
01/2004 - 01/2005	Q.GD Khu B	Cty May Nhà Bè
02/2005 - 03/2005	Trợ lý TGD	Tổng Cty May Nhà Bè
04/2005 - 10/2008	TGD	Cty CP May Sông Tiền
11/2008 - 01/2013	GĐĐH – TV.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè
02/2013 - đến nay	P.TGD – TV.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè

11. Chức vụ công tác tại NBC:

- ✓ Thành viên HĐQT NBC;
- ✓ Phó Tổng Giám Đốc NBC;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **NGUYỄN XUÂN ĐÔNG** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 13.11.1970
3. Nơi sinh : Hà Nội
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Hà Nam
6. Số CMND : 011564153 Ngày cấp: 19.11.2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
7. Địa chỉ thường trú : Lô 76 – kiểu nhà A2 – phường Mỹ Đình 1 – quận Nam Từ Liêm – Hà Nội
8. Điện thoại liên lạc : 0913207658
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
01/1994 - 12/1998	Cán bộ phòng kinh doanh	Cty dệt Hà Nam
01/1999 - 04/2001	Phó giám đốc	Cty TNHH dệt nhuộm Trung Thu
05/2001 – 12/2004	Giám đốc	Cty TNHH Châu Sơn
01/2005 – 09/2007	Giám đốc	Cty cổ phần Nhuộm Hà Nội
05/2010 – 12/2015	CT.HĐQT	Cty cổ phần dệt Vĩnh Phú
10/2007 - nay	TGD - CT.HĐQT	Cty cổ phần Len Hà Đông

11. Số cổ phần được ủy quyền: 1.820.000 cổ phần chiếm 10% VDL.

12. Các khoản nợ đối với công ty: Không có.

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không có.

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và có trách nhiệm nếu được bầu làm thành viên HĐQT của Tổng Công ty May Nhà Bè – Nhiệm kỳ 2018 - 2022;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người khai



Nguyễn Xuân Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **NGUYỄN NGỌC LÂN** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 09.09.1971
3. Nơi sinh : Sài Gòn
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Quảng Nam
6. Số CMND : 022507984 Ngày cấp: 22.09.2010 Nơi cấp: CA HCM
7. Địa chỉ thường trú : 227 Võ Thành Trang, P.11, Q.Tân Bình, TpHCM
8. Điện thoại liên lạc : 0838720077
9. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
07/1994 – 08/2005	Trưởng nhóm CBMH	Cty Dệt May Thắng Lợi
08/2005 – 11/2005	Trợ lý P.TGD	Tổng Cty May Nhà Bè
11/2005 – 09/2008	P.TGD	Cty CP May Sông Tiền
09/2008 – 12/2010	Trưởng Phòng KHTT-XNK	Tổng Cty May Nhà Bè
12/2010 – 01/2013	GĐDH	Tổng Cty May Nhà Bè
01/2013 – 12/2016	P.TGD – TV.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè
01/2017 - đến nay	TGD – TV.HĐQT	Tổng Cty May Nhà Bè

11. Chức vụ công tác tại NBC:

- ✓ Thành viên HĐQT NBC;
- ✓ Tổng Giám Đốc NBC;

12. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty CP May Phú Thỉnh – Nhà Bè;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Giặt Tẩy – Nhà Bè;
- ✓ Chủ tịch HĐQT Cty CP May Nhà Bè – Đức Linh 2;

13. Số cổ phiếu sở hữu : 95.862 cổ phần chiếm 0,53% /VĐL
14. Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có.
16. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không có.

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và có trách nhiệm nếu được bầu làm thành viên HĐQT của Tổng Công ty May Nhà Bè – Nhiệm kỳ 2018 - 2022;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người khai



Nguyễn Ngọc Lân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **VŨ KIM CHI** Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh : 03.08.1977
3. Nơi sinh : Vĩnh Phú
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Nam Trực, Nam Hà
6. Số CMND : 023532072 Ngày cấp: 14.07.2014 Nơi cấp: CA HCM
7. Địa chỉ thường trú : 36 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Q1, TpHCM
8. Điện thoại liên lạc : 0838720077
9. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
04/2000 – 03/2008	Nhân viên Phòng kế toán	Cty May Nhà Bè
04/2008 – 12/2011	KTT	Cty CP Xây Lắp Nhà Bè
01/2012 – 05/2015	Phó Phòng Kế toán	Tổng Cty May Nhà Bè
06/2015 – đến nay	Thành viên BKS	Tổng Cty May Nhà Bè

11. Chức vụ công tác tại NBC: Thành viên BKS
12. Số cổ phiếu sở hữu : 14.477 cổ phần chiếm 0,08% /VDL
13. Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không có
14. Các khoản nợ đối với công ty: Không có.
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
16. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không có.

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và có trách nhiệm nếu được bầu làm thành viên BKS của Tổng Công ty May Nhà Bè – Nhiệm kỳ 2018 - 2022;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người khai



Vũ Kim Chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **PHAN VĂN HẢI** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 01.01.1967
3. Nơi sinh : Bình Định
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Bình Định
6. Số CMND : 024210970 Ngày cấp: 18.06.2004 Nơi cấp: CA HCM
7. Địa chỉ thường trú : 16/10 Bùi Văn Ba, Tân Thuận Đông, Q7, TpHCM
8. Điện thoại liên lạc : 0838720077
9. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
01/1991 – 11/1993	Nhân viên Phòng kế toán	XN Cà phê Bình Định
12/1993 – 06/1996	Nhân viên Phòng kế toán	Cty May Nhà Bè
07/1996 – 05/2003	Phó Phòng Kế toán	Cty May Nhà Bè
06/2003 – 03/2005	Trưởng Phòng Kế Toán	Cty May Nhà Bè
04/2005 – 03/2008	KTT	Tổng Cty May Nhà Bè
04/2008 – đến nay	Trưởng BKS	Tổng Cty May Nhà Bè

11. Chức vụ công tác tại NBC: Trưởng BKS
12. Số cổ phiếu sở hữu : 131.361 cổ phần chiếm 0,72% /VĐL
13. Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không có
14. Các khoản nợ đối với công ty: Không có.
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
16. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không có.

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và có trách nhiệm nếu được bầu làm thành viên BKS của Tổng Công ty May Nhà Bè – Nhiệm kỳ 2018 - 2022;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người khai

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Phan Văn Hải', with a long horizontal flourish extending to the right.

Phan Văn Hải

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh : 08/02/1975
3. Nơi sinh : Diên Hòa, Diên Khánh, Khánh Hòa
4. Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Quê quán : Khánh Hòa
6. Số CMND : 025315430 Ngày cấp: 01/10/2010 Nơi cấp: CA TPHCM
7. Địa chỉ thường trú : 185/9 Cô Bắc, P. Cô Giang, Q1, TPHCM
8. Điện thoại liên lạc : 0909751499
9. Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, công việc	Đơn vị công tác
T07/2001- T12/2001	Kế toán	Nhà hàng Ngọc Sương
T01/2002- T04/2012	Kế toán	Vinatex Mart
T04/2012-T01/2016	Trưởng bộ phận quản lý các đơn vị phụ thuộc	Vinatex Mart
T03/2016-T08/2017	Phụ trách kế toán	Viện mẫu thời trang
T09/2017- nay	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán	Tập đoàn Dệt may Việt Nam

11. Chức vụ công tác : Chuyên viên
12. Số cổ phiếu sở hữu : Không
13. Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không
14. Các khoản nợ đối với công ty: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Lợi ích liên quan đối với NBC: Không

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè;

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp.HCM, Ngày 10 tháng 05 năm 2018

Người khai


Phạm Thị Thanh Phương

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Vv: Thù lao và khen thưởng HĐQT, BKS Nhiệm kỳ IV 2018 - 2022

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè- CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 01/12/2011;
- Căn cứ Điều 18, Chương IV, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam và dựa trên cơ sở định hướng chiến lược kinh doanh Nhiệm kỳ IV năm 2018 - 2022 của HĐQT.

HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao hàng tháng và tỷ lệ thưởng cho thành viên HĐQT và BKS Nhiệm kỳ 4 Năm 2018 – 2022 như sau:

1. Mức thù lao hàng tháng

- | | | |
|---------|--------------------------------|------------------|
| - HĐQT: | + Chủ tịch | : 15 triệu/tháng |
| | + Thành viên thường trực | : 10 triệu/tháng |
| | + Thành viên không thường trực | : 8 triệu/tháng |
| - BKS: | + Trưởng ban | : 10 triệu/tháng |
| | + Thành viên thường trực | : 5 triệu/tháng |
| | + Thành viên không thường trực | : 3 triệu/tháng |

2. Mức thưởng hoàn thành nhiệm vụ :

- Hàng năm nếu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch lợi nhuận được giao thì thưởng 03%/Lợi nhuận sau thuế.
- Giao cho HĐQT quyết định phân phối theo sự cống hiến của từng thành viên để góp phần hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM PHÚ CƯỜNG

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.652.866.416.498	1.250.091.813.579
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	103.977.942.158	46.203.334.462
1. Tiền	111		103.977.942.158	45.703.334.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		800.627.381.000	462.618.285.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	649.415.339.459	368.047.542.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.719.521.898	44.985.778.336
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	70.773.723.214	49.584.964.623
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.281.203.571)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	716.056.207.902	647.365.507.180
1. Hàng tồn kho	141		718.261.464.058	650.464.574.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.205.256.156)	(3.099.067.233)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		32.204.885.438	93.904.686.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	15.732.063.351	13.090.603.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.702.012.873	67.884.784.087
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	1.770.809.214	12.929.299.122
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		630.403.702.522	560.826.491.806
I Các khoản phải thu dài hạn	210		56.769.114.822	50.336.335.729
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	56.769.114.822	50.336.335.729
II Tài sản cố định	220		269.443.321.464	269.023.257.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	244.692.035.196	241.015.428.273
- Nguyên giá	222		717.405.098.456	688.253.427.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(472.713.063.260)	(447.237.999.236)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	24.751.286.268	28.007.829.547
- Nguyên giá	228		41.254.610.032	40.978.782.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.503.323.764)	(12.970.953.377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.636.297.712	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.636.297.712	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	245.895.803.579	200.425.871.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		152.908.200.274	102.053.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		58.861.989.920	71.086.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.125.613.385	27.285.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		37.659.164.945	41.041.026.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	37.659.164.945	41.041.026.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.283.270.119.020	1.810.918.305.385

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

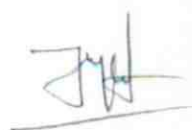
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.960.866.006.869	1.505.175.910.963
I- Nợ ngắn hạn	310		1.859.708.010.448	1.416.205.172.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	280.376.891.231	231.374.586.309
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.699.375.125	16.035.239.608
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.287.873.733	9.387.478.002
4. Phải trả người lao động	314		90.327.994.229	118.276.086.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	39.966.664.735	33.138.080.284
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	12.054.922.758	4.899.609.401
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	21.527.938.855	12.564.627.513
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.341.689.955.034	936.937.742.161
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	39.860.750.361	39.171.767.442
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17.915.644.387	14.419.956.201
II- Nợ dài hạn	330		101.157.996.421	88.970.738.034
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.023.054.500	375.597.034
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	22.869.583.121	22.205.546.226
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	4.794.960.183	6.879.272.774
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	72.470.398.617	59.510.322.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		322.404.112.151	305.742.394.422
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	322.404.112.151	305.742.394.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.004.214.438	92.342.496.709
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		46.842.496.709	30.036.586.261
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.161.717.728	62.305.910.448
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.283.270.119.020	1.810.918.305.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Phát



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	3.123.967.323.694	3.085.978.518.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.519.468.292	17.827.685.241
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	3.111.447.855.402	3.068.150.833.536
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.427.132.305.555	2.443.213.745.303
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		684.315.549.847	624.937.088.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	39.802.025.492	53.272.808.507
7. Chi phí tài chính	22	5.20	37.958.539.184	58.389.233.407
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.196.296.899	24.729.849.454
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	318.423.145.833	267.136.099.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	286.281.458.842	272.849.244.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		81.454.431.480	79.835.318.748
11. Thu nhập khác	31	5.23	8.045.175.772	9.884.461.560
12. Chi phí khác	32	5.23	963.696.142	1.671.859.001
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.081.479.630	8.212.602.559
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		88.535.911.110	88.047.921.307
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	14.533.866.193	13.874.218.365
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		74.002.044.917	74.173.702.942

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Phát



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

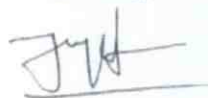
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	88.535.911.110	88.047.921.307
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	60.059.850.846	58.651.973.654
- Các khoản dự phòng	3	1.076.375.413	10.997.744.003
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	4	4.420.701	16.069.842.221
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(44.875.491.289)	(26.512.935.796)
- Chi phí lãi vay	6	27.196.296.899	24.729.849.454
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	131.997.363.681	171.984.394.843
- Biến động các khoản phải thu	9	(304.764.446.949)	256.879.673.335
- Biến động hàng tồn kho	10	(77.557.810.616)	72.966.468.986
- Biến động các khoản phải trả	11	242.964.942	(84.516.312.451)
- Biến động chi phí trả trước	12	740.401.265	(2.583.591.197)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27.196.296.899)	(24.729.849.454)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.410.622.862)	(9.239.640.633)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.344.639.000)	(9.619.746.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(301.293.086.439)	371.141.397.196
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(70.388.405.584)	(70.666.492.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	47.833.658.280	3.793.710.510
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.972.000.000)	(20.902.324.250)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.978.908.380	25.123.892.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.547.838.924)	(58.601.213.555)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.873.901.912.524	2.434.604.876.172
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.456.187.974.110)	(2.783.616.622.588)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	372.213.938.414	(394.511.746.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	57.373.013.051	(81.971.562.775)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.203.334.462	127.376.857.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	401.594.645	798.039.923
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	103.977.942.158	46.203.334.462

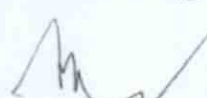
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.966.957.725.614	1.690.996.182.570
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	228.713.854.868	163.402.922.102
1. Tiền	111		178.889.744.194	109.085.984.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.824.110.674	54.316.937.430
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.230.240.000	11.495.754.445
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(560.000.000)	(1.040.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	790.240.000	10.535.754.445
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		776.590.477.845	494.899.832.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	640.947.781.748	397.444.884.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		72.589.484.999	51.547.624.904
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	64.265.329.424	47.509.008.747
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.281.203.571)	(1.601.684.995)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		69.085.245	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	891.252.698.714	911.719.012.202
1. Hàng tồn kho	141		894.423.052.288	917.620.795.334
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.170.353.574)	(5.901.783.132)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		68.170.454.187	109.478.660.835
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	17.859.467.421	14.901.671.095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.172.222.152	81.598.720.734
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	6.138.764.614	12.978.269.006
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.156.445.690.696	1.016.674.791.260
I Các khoản phải thu dài hạn	210		56.774.614.822	51.006.221.560
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	56.774.614.822	51.006.221.560
II Tài sản cố định	220		859.505.042.480	745.262.135.028
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	824.494.733.293	706.994.678.929
- Nguyên giá	222		1.571.574.363.169	1.385.375.526.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(747.079.629.876)	(678.380.847.429)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	35.010.309.187	38.267.456.099
- Nguyên giá	228		52.858.296.294	52.867.733.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.847.987.107)	(14.600.277.287)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.741.751.201	1.378.129.112
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		44.741.751.201	1.378.129.112
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		109.623.003.112	121.992.313.143
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	73.027.389.727	94.236.699.758
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	32.595.613.385	27.755.613.385
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.000.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		85.801.279.081	97.035.992.417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	85.801.279.081	97.035.992.417
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.123.403.416.310	2.707.670.973.830

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.726.180.092.640	2.313.398.689.454
I- Nợ ngắn hạn	310		2.331.654.315.591	1.984.940.896.144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	358.776.884.571	298.202.792.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.094.341.110	74.950.111.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	23.588.959.401	29.759.479.379
4. Phải trả người lao động	314		188.098.410.957	229.322.262.831
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	47.920.727.717	44.317.098.563
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.054.922.758	8.078.600.923
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	60.723.297.177	56.301.426.390
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.540.696.242.942	1.176.828.009.062
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39.860.750.361	39.356.892.228
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.839.778.597	27.824.223.258
II- Nợ dài hạn	330		394.525.777.049	328.457.793.310
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	1.023.054.500	375.597.034
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		14.500.372.031	12.868.137.514
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		22.869.583.121	22.205.546.226
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	4.794.960.183	22.769.272.774
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	346.242.839.149	266.227.335.315
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		3.470.000.000	2.679.760.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.624.968.065	1.332.144.447
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		397.223.323.671	394.272.284.376
I- Vốn chủ sở hữu	410		397.223.323.671	394.272.284.376
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.674.075.645	45.373.475.832
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.332.954.145	86.181.559.544
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		43.458.329.550	33.970.211.343
- LNST chưa phân phối kì này	421b		19.874.624.595	52.211.348.201
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		106.216.293.881	80.717.249.000
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.123.403.416.311	2.707.670.973.830

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

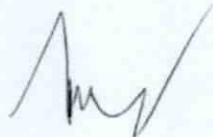
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	4.229.682.276.253	4.233.351.094.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.664.916.056	17.898.906.038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	4.217.017.360.197	4.215.452.188.356
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	3.344.842.953.055	3.412.883.530.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		872.174.407.142	802.568.657.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	25.637.795.252	41.248.661.484
7. Chi phí tài chính	22	5.20	70.571.779.430	79.808.032.946
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.459.836.189	38.696.199.791
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		8.124.840.323	6.660.722.234
9. Chi phí bán hàng	24	5.21	342.129.300.493	309.616.050.242
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	422.992.281.461	405.505.789.237
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		70.243.681.333	55.548.169.038
12. Thu nhập khác	31	5.23	26.939.009.796	34.510.206.104
13. Chi phí khác	32	5.23	10.835.962.704	10.128.607.493
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		16.103.047.092	24.381.598.611
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		86.346.728.425	79.929.767.649
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	26.337.799.253	26.115.037.594
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.624.968.065	1.274.373.295
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		58.383.961.107	52.540.356.760
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		52.820.555.379	52.211.348.201
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.563.405.728	329.008.559
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	2.252	2.217

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B 03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	86.346.728.425	90.563.693.811
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	118.580.238.336	110.823.013.103
- Các khoản dự phòng	03	(756.811.496)	8.891.923.402
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	426.662.717	(9.389.703.609)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(54.795.781.166)	(39.989.420.694)
- Chi phí lãi vay	06	57.459.836.189	38.512.263.982
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	207.260.873.005	199.411.769.995
- Biến động các khoản phải thu	09	(303.160.802.771)	298.332.791.164
- Biến động hàng tồn kho	10	10.653.269.381	(62.019.208.853)
- Biến động các khoản phải trả	11	(3.645.956.145)	(140.334.024.012)
- Biến động chi phí trả trước	12	(9.416.992.923)	1.022.393.670
- Tiền lãi vay đã trả	14	(62.620.441.158)	(44.529.237.301)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.596.433.103)	(21.716.749.234)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	50.529.093	125.641.704
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.121.480.302)	(29.347.522.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(211.597.434.923)	200.945.854.842
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(239.081.036.131)	(118.299.375.590)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	80.086.831.085	15.895.145.693
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	8.535.754.445	(535.754.445)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.122.000.000)	(21.727.324.250)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.982.778.869	30.332.263.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(139.597.671.732)	(85.985.044.773)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	19.567.929.934	7.822.324.250
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(685.320.000)	(5.000.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.637.158.739.022	3.151.421.935.642
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.174.552.448.235)	(3.286.806.612.070)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.408.204.026)	(72.815.638.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	416.080.696.695	(205.377.990.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	64.885.590.040	(90.417.180.109)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	163.402.922.102	252.609.491.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	425.342.726	1.210.610.794
Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	228.713.854.868	163.402.922.102

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

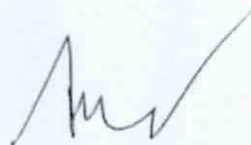
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân